

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ SỐ LIỆU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN HẾT QUÝ I NĂM 2025 CỦA CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán và số liệu thực hiện dự toán NSNN đến hết quý I năm 2025 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước đến hết quý I năm 2025:

1. Nội dung công khai: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2025 đã được phê duyệt (theo mẫu số 03 ban hành theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

2. Hình thức công khai:

- Đối với Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai trên cổng thông tin điện tử Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật <https://www.ppd.gov.vn/>, đồng thời niêm yết tại trụ sở làm việc.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bao gồm: 9 Chi Cục và 10 Trung tâm: 19/19 niêm yết công khai tại trụ sở làm việc;

3. Thời điểm công khai: Ngày 15/04/2025

II. Thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách nhà nước đến hết quý I năm 2025

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN đến hết quý I năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

Tổng thu NSNN (thu phí) thực hiện đến hết quý I năm 2025: 45.178 triệu đồng đạt 30,6% so với dự toán giao năm 2025 bằng 112,8% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tình hình thực hiện thu của các loại phí như sau:



+ Phí kiểm dịch thực vật thực hiện trong quý 1 năm 2025: 37.727 triệu đồng đạt 29,44% so với dự toán giao bằng 104,43% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí giám sát khử trùng: 1.195 triệu đồng đạt 22,34% dự toán, bằng 108,46% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV: 5.719,9 triệu đồng đạt 62,71% so với dự toán.

+ Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch: 48 triệu đồng đạt 33,33% dự toán bằng 80% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí Bảo hộ giống cây trồng: 488 triệu đồng đạt 12,2% dự toán bằng 128,4% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại đến hết quý 1 năm 2025:

Tổng chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại: 16.222 triệu đồng đạt 31,8% dự toán giao bằng 67,73% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Chi sự nghiệp: 12.918 triệu đồng bằng 99,61% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi quản lý hành chính: 3.304 triệu đồng đạt 6,48% dự toán bằng 30,08% so với cùng kỳ năm trước.

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước đến hết quý 1 năm 2025:

Tổng số phí nộp ngân sách nhà nước: 13.467 triệu đồng đạt 12,38% so với dự toán bằng 120,58% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước:

* Chi quản lý hành chính:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 97.607 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện đến hết quý 1 năm 2025: 10.932 triệu đồng đạt 11,66 % so với dự toán.

* Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 3.380 triệu đồng.

* Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 2.300 triệu đồng.

* Nguồn kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 25 triệu đồng.

Các nhiệm vụ này trong quý I năm 2025 đang lên kế hoạch thực hiện.

* Chi hoạt động kinh tế:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 24.403 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện đến hết quý 1 năm 2025: 410 triệu đồng đạt 2 % so với dự toán.

(Chi tiết theo biểu số 3-Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính kèm theo).

Trên đây là báo cáo tình hình công khai và thuyết minh số thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đến hết quý I năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên trang TTĐT;
- Lưu VT, TC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nghiêm Quang Tuấn



Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 012

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐẾN HẾT QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách đến hết quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	307.416	74.867	24,35%	98,55%
I	Số thu phí, lệ phí	147.650	45.178	30,60%	112,80%
1	Lệ phí				
2	Phí	147.650	45.178	30,60%	112,80%
	Phí kiểm dịch thực vật	128.150	37.727	29,44%	104,43%
	Phí giám sát khử trùng	5.350	1.195	22,34%	108,46%
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	9.121	5.719,9	62,71%	245,01%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	144	48	33,33%	80,00%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	100			
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	110			
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	525			
	Phí xét tuyển viên chức				
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	4.000	488	12,20%	128,42%
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	150			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại	51.012	16.222	31,80%	67,73%
1	Chi sự nghiệp	0	12.918		99,61%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	11.717		124,47%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	1.202		33,79%
2	Chi quản lý hành chính	51.012	3.304	6,48%	30,08%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	34.898	2.969	8,51%	32,77%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.114	335	2,08%	17,42%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	108.754	13.467	12,38%	120,58%
1	Lệ phí	0	0	0,00%	0,00%
	Lệ phí	0	0	0,00%	0,00%
2	Phí	108.754	13.467	12,38%	120,58%
	Phí kiểm dịch thực vật	97.661	11.318	11,59%	104,42%
	Phí giám sát khử trùng	4.245	359	8,45%	108,75%
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	5.440	1.716	31,54%	244,96%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	95	14	15,16%	80,00%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	70			
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	85			
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	328			
	Phí xét tuyển viên chức	0			
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	800	60	7,48%	79,10%
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	30			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	128.042	11.342	8,86%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	127.715	11.342	8,88%	
1	Chi quản lý hành chính	97.607	10.932	11,20%	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	93.781	10.932	11,66%	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.826			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (100-101)	3.380			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.380			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-134)	2.300			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.300			
4	Chi hoạt động kinh tế (280-281)	24.403	410	2%	0,00%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.403	410	2%	0,00%
5	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ (070-085)	25			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0			
II	Nguồn vốn viện trợ	327,3			
1	Chi hoạt động kinh tế	327,3			
1.1	Dự án phi dự án “Đánh giá tác động của việc trồng xen trong vườn cà phê đến sinh vật gây hại chính và thúc đẩy sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm để phát triển sản xuất cà phê bền vững tại các tỉnh Tây Nguyên, Việt Nam	327,3			

Ngày 15 tháng 4 năm 2025



Nghiêm Quang Tuấn

